

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/DSST

Ngày: 10/6/2019.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trương.

2. Ông Đặng Thành Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Mộng – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành – Hậu Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 10 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành – Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 75/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Phương B, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp Phước Long, xã Đông Phước A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

Bị đơn: Bà Lê Thị Mỹ T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp Phước Long, xã Đông Phước A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

Người làm chứng:

Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp Phước Long, xã Đông Phước A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/4/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Phương B trình bày:

Vào ngày 19/3/2019 lúc 07 giờ sáng bị đơn có hỏi vay nguyên đơn không hỏi vay cụ thể số tiền bao nhiêu nhưng nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền là

12.000.000 đồng loại giấy bạc mệnh giá 200.000 đồng. Khi cho bị đơn không thỏa thuận lãi suất, thời hạn cho vay trong ngày 19/3/2019. Khi cho vay không có biên nhận nợ chỉ có anh Nguyễn Hoàng V chứng kiến, khi giao tiền cho bị đơn, bị đơn không có điểm lại tiền và cũng không xác nhận lại số tiền vay của nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay vốn là 12.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn trình bày: Bị đơn không nhớ ngày vay cụ thể nhưng vào lúc hơn 07 giờ sáng bị đơn có hỏi nguyên đơn vay tiền không hỏi vay cụ thể là bao nhiêu, nguyên đơn đếm 30 tờ tiền loại mệnh giá 200.000 đồng cho bị đơn vay. Khi nhận tiền từ nguyên đơn bị đơn có điểm lại tiền và có xác nhận số tiền vay với nguyên đơn là 6.000.000 đồng. Khi vay không có thỏa thuận lãi suất, thời hạn cho vay là trong ngày. Khi vay không có làm biên nhận, không có ai chứng kiến. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 12.000.000 đồng, bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn 6.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền vay vốn 6.000.000 đồng cho nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành trình bày quan điểm: Kể từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng quy định.

Về nội dung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vay vốn 6.000.000 đồng không tính lãi. Về án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Lê Phương B khởi kiện bị đơn Lê Thị Mỹ T yêu cầu giải quyết trả nợ vay và bị đơn có nơi cư trú tại ấp Phước Long, xã Đông Phước A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Do đó căn cứ vào Điều 26, 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành và được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về hợp đồng vay tài sản: Vào ngày 19/3/2019 (dương lịch) khoảng hơn 07 giờ sáng bị đơn có hỏi vay tiền của nguyên đơn không hỏi vay cụ thể số tiền bao nhiêu. Nguyên đơn có đếm 30 lần mỗi lần 02 tờ tiền, loại tiền mệnh giá 200.000 đồng tổng là 12.000.000 đồng cho bị đơn vay, khi nguyên đơn giao tiền cho bị đơn, bị đơn không có đếm lại và cũng không xác nhận lại số tiền vay. Bị đơn thừa nhận có hỏi vay nguyên đơn không hỏi vay cụ thể số tiền bao nhiêu nhưng nguyên đơn có đếm 30 lần mỗi lần 01 tờ tiền loại tiền mệnh giá 200.000 đồng cho bị đơn vay,

khi nhận tiền bị đơn có đếm lại và xác nhận số tiền vay với nguyên đơn là 6.000.000 đồng. Hội đồng xét xử công nhận là có hợp đồng vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về số tiền vay: Nguyên đơn khai cho bị đơn vay 12.000.000 đồng khi cho vay không có làm biên nhận nhưng có anh Nguyễn Hoàng V chứng kiến, bị đơn thừa nhận chỉ có vay của nguyên đơn 6.000.000 đồng khi vay không có làm biên nhận và không có ai chứng kiến, khi bị đơn đã điểm tiền xong xác nhận lại số tiền vay với nguyên đơn thì anh V mới đến hỏi bị đơn về việc mua bán rần anh V không chứng kiến trực tiếp việc vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn. Đáng lẽ khi nguyên đơn cho bị đơn vay tiền phải làm biên nhận để đối chiếu số tiền vay nhưng khi nguyên đơn cho bị đơn vay không có làm biên nhận nợ nên không thể xác định bị đơn vay của nguyên đơn bao nhiêu tiền. Tại phiên tòa nguyên đơn khai khi giao tiền cho bị đơn, bị đơn có điểm và xác nhận lại số tiền vay với nguyên đơn, nhưng tại biên bản lấy lời khai nguyên đơn (bút lục số 16) và tại biên bản hòa giải (bút lục số 25) nguyên đơn đều khai, khi giao tiền cho bị đơn, bị đơn không có điểm lại tiền và cũng không xác nhận lại số tiền vay của nguyên đơn. Xét lời khai của nguyên đơn có mâu thuẫn với lời khai của người làm chứng anh V từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy không đủ chứng cứ xác định nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 12.000.000 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ vào sự thừa nhận của bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 6.000.000 đồng và buộc bị đơn phải trả số tiền vay này cho nguyên đơn.

[4] Đối với lời khai của anh Nguyễn Hoàng V xác định vào ngày 19/3/2019 (dương lịch) vào khoảng hơn 07 giờ 15 phút sáng anh V đứng bên nhà anh V đối diện nhà chị B thấy chị T đến nhà chị B trao đổi việc gì anh không rõ, cũng không biết chị T hỏi vay chị B bao nhiêu tiền, nhưng có thấy chị B đếm tiền đưa cho chị T đếm 30 lần mỗi lần 02 tờ loại tiền mệnh giá 200.000 đồng, anh V đứng chứng kiến việc vay tiền, nhưng vị trí đứng của anh V là đứng sau lưng chị T và đứng đối diện chị B. Khi giao tiền cho chị T xong không nghe chị B nói cho chị T vay bao nhiêu tiền. Nhưng vào khoảng 15 phút sau cùng ngày chị B hỏi anh V là đưa cho chị T bao nhiêu tiền, anh V trả lời đưa cho chị T 30 lần mỗi lần 02 tờ loại tiền mệnh giá 200.000 đồng. Xét lời khai của anh V có nhiều mâu thuẫn, không rõ chị B và chị T trao đổi việc gì không rõ số tiền vay cụ thể là bao nhiêu, khi giao nhận tiền xong anh V không nghe chị T có đếm có xác nhận lại số tiền không, nhưng khoảng 15 phút sau khi chị B hỏi anh V lại số tiền cho chị T vay là bao nhiêu anh V trả lời 30 lần mỗi lần 02 tờ loại tiền mệnh giá 200.000 đồng nhưng lúc này chị T không có tại địa điểm cho vay nên lời khai của anh V xét thấy còn nhiều điểm mâu thuẫn và không thể xem đây là căn cứ xác định việc chị T có vay tiền của chị B số tiền 12.000.000 đồng.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 466, 357, 468 Bộ luật dân sự 2015.

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Buộc bị đơn chị Lê Thị Mỹ T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị Lê Phương B số tiền vay vốn 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

1.2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Phương B yêu cầu bị đơn chị Lê Thị Mỹ T trả cho nguyên đơn số tiền vay vốn 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

2/ Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm bị đơn bà Lê Thị Mỹ T phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành - tỉnh Hậu Giang. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 0018171 ngày 09/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành - tỉnh Hậu Giang thành án phí nguyên đơn chị Lê Phương B không phải nộp thêm.

4/ Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5/ Trong trường hợp Bản án, Quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHA huyện Châu Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Nhân

